

Số: 609 /TM-TTYTĐK

V/v Thư mời chào giá mua sắm bổ sung Hóa
chất xét nghiệm - sinh phẩm năm 2023 tại
Trung tâm y tế Quận Dương Kinh

Dương Kinh, ngày 31 tháng 07 năm 2023

**Kính gửi: Các công ty sản xuất, kinh doanh cung cấp Vật tư y tế,
Hóa chất, Sinh phẩm, trang thiết bị y tế tại Việt Nam**

Căn cứ thông tư 14/2023/TT-BYT ngày 30/6/2023 của Bộ Y tế quy định
trình tự, thủ tục xây dựng giá gói thầu mua sắm hàng hóa và cung cấp dịch vụ
thuộc lĩnh vực trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập;

Trung tâm y tế Quận Dương Kinh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham
khảo, xây dựng giá gói thầu làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu
mua sắm bổ sung Hóa chất xét nghiệm - Sinh phẩm năm 2023 tại trung tâm y tế
Quận Dương Kinh với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm y tế Quận Dương Kinh
2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Vũ Thị
Kim Thoan, Trưởng phòng Tài chính kế toán, điện thoại: 0919.315.188, gmail:
thoan.vtk@gmail.com
3. Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Báo giá bằng văn bản, có chữ ký họ tên, chức danh của người đại diện và
đóng dấu công ty.
 - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Đường Mạc Đăng Doanh, phường Hưng Đạo,
Quận Dương Kinh, Thành phố Hải Phòng
4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 01 tháng 08 năm 2023 đến trước
17h ngày 10 tháng 08 năm 2023.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 01
tháng 08 năm 2023

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục hàng hóa tại phụ lục đính kèm thư mời này;
2. Địa điểm giao hàng: Tại kho của khoa Dược Trung tâm y tế Quận Dương
Kinh;
3. Thời gian giao hàng dự kiến: Quý III năm 2023
4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: thanh toán từng
đợt theo số lượng thực tế giao nhận và đơn giá hàng hóa quy định tại hợp đồng;
5. Trung tâm y tế Quận Dương Kinh thành phố Hải Phòng kính mời các
Công ty/Nhà cung cấp/Đơn vị quan tâm và có khả năng cung cấp, gửi 01 báo giá
bản cứng để tài liệu chứng minh các nội dung theo mẫu báo giá quy định tại

Thông tư số 14/2023/TT-BYT ngày 30/6/2023, điện thoại/Email đại diện đơn vị báo giá trong trường hợp Trung tâm cần liên lạc.

Rất mong nhận được sự quan tâm của Quý các công ty.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi.
- Lưu VT.



GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC
Đoàn Văn Doan

Y TẾ TH

PHỤ LỤC: DANH MỤC MUA SẴM BỔ SUNG HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM - SINH PHẨM NĂM 2023
(Đính kèm thư mời số 644/TM-TTYYTDK ngày 31 tháng 7 năm 2023 của TTYT Quận Dương Kinh)

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
1	Dung dịch pha loãng cho máy huyết học Sysmex	Công dụng: Dung dịch dùng để pha loãng sử dụng cho máy huyết học Bảo quản: ở 5 - 30 độ C Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 60 ngày Thành phần: Sodium Chloride 6,38 g/l, Boric Acid 1 g/l, Sodium Tetraborate 0,2 g/l, EDTA-2K 0,2 g/l, Thùng ≥ 20 lít	5	Thùng
2	Dung dịch ly giải hồng cầu cho máy Sysmex	Công dụng: dung dịch ly giải hồng cầu, giúp đếm chính xác số lượng bạch cầu Bảo quản: 2 - 35 độ C Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 90 ngày ; chai ≥ 500ml Thành phần: Organic quaternary ammonium salt 8,5g/l và sodium chloride 0,6g/l	7	Chai
3	Que thử 10 TS	- Các chỉ số đo: Glucose, Bilirubin, Ketone, pH, Blood, Protein, Nitrite, Urobilinogen, Leukocyte, SG. - Dải đo của các chỉ số: Protein: 15-30mg/dL albumin Blood: 0.015-0.062mg/dL hemoglobin Leukocyte: 5-15 cells/hpf Nitrite: 0.06-0.1mg/dL nitrite ion Glucose: 75-125mg/dL Ketone: 5-10mg/dL acetoacetic acid pH: 4.6- 8.0 SG: 1.001-1.035 Bilirubin: 0.4-0.8mg/dL Urobilinogen: 0.2EU/dL - Trên thanh thử có miếng dán (ID band) có tác dụng kích hoạt kiểm tra tự động. Hộp 100 test	2200	Test

4	Hóa chất xét nghiệm Triglyceride	GK ≥ 500 U/l GPO ≥ 1.500 U/l POD ≥ 900 U/l ATP 2 mmol/l 4-AP 0,4 mmol/l Độ tái lập (Reproducibility) $\leq 0,5\%$ Hộp ≥ 160ml Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	3	Hộp
5	Test phats hiện kháng thể HIV	Phát hiện tất cả các type kháng thể (IgG, IgM, IgA) đặc hiệu với virus HIV-1 gồm type phụ O và HIV-2 và phân biệt trong mẫu huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần. Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: 99.8%.Hộp 100 test. Công hợp vàng: kháng nguyên tái tổ hợp HIV-1 gp41, p24, HIV-2 gp36 - keo vàng; Vạch thử 1: kháng nguyên tái tổ hợp HIV-1 (gp41, p24); Vạch thử 2: kháng nguyên tái tổ hợp HIV-2 (gp36); Vạch chứng: huyết thanh dê kháng HIV. Hạn dùng 24 tháng kể từ ngày sản xuất. Không có phản ứng chéo với các mẫu thẩm tách máu, mẫu rối loạn đông máu, mẫu chưa yếu tố dạng thấp, mẫu dương tính với kháng thể kháng HCV và mẫu mẫu phụ nữ mang thai. Kit thử hoạt động ổn định ít nhất 48 giờ sau khi mở túi nhôm. Được ban hành trong Hướng dẫn Quản Lý, Điều trị và chăm sóc HIV/AIDS của BHYT hiện hành và trong công văn 858 về việc chuyển cáo các phương cách xét nghiệm chẩn đoán HIV Quốc gia của viện vệ sinh dịch tễ trung ương. Đạt tiêu chuẩn: ISO, WHO	100	Test
6	Dung dịch rửa protein	Catalyzer: pouch containing pepsin 8g/l Solution: 0,075 N hydrochloric acid Surfactant. Hộp $\geq (3 \times 125$ ml)	5	Hộp
7	Hóa chất xét nghiệm GOT	L-Aspartate 200 mmol/l NADH 0,18 mmol/l MDH ≥ 400 U/l LDH ≥ 600 U/l 2-Oxoglutarate 12 mmol/l Hộp ≥ 200ml Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	2	Hộp

8	Hóa chất xét nghiệm GPT	A. Reagent A: L-Alanine 500 mmol/l B. Reagent B: NADH 0,18 mmol/l LDH $\geq 1,5$ U/l 2-Oxoglutarate 15 mmol/l Hộp ≥ 200ml Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	2	Hộp
9	Chất kiểm chuẩn	Huyết thanh đông khô 2 mức giá trị kiểm chuẩn Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	3	Bộ
10	Hóa chất xét nghiệm Ure	A. Reagent A: Good buffer 250 mmol/l 2-Oxoglutarate 7,5 mmol/l Urease (Jack bean) ≥ 5.000 U/l B. Reagent B: NADH 0,28 mmol/l Độ tái lập (Inter-assay precision): CV $\leq 2,36\%$ Hộp ≥ 500ml Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	1	Hộp
11	Hóa chất xét nghiệm HDL-C	A. Reagent A: Cholesterol oxidase solution (< 3000 U/l) Peoxydase (< 5000 U/l) N-ethyl-N-(2-hydroxy-3-sulfo-propyl)-3-toluidine disodium (TOOS) (< 1 mM) B. Reagent B: Detergent solution ($< 2\%$) Cholesterol esterase (< 3000 U/l) 4-aminoantipyrine (4-AAP) (< 1 mM) Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Hộp ≥ 72 mL (2 x 27 + 2 x 9 mL)	2	Hộp

12	Hóa chất xét nghiệm Glucose	GOD (microbial) ≥ 10 KU/l POD (horse-radish) ≥ 1 KU/l 4-AP 0,5 mmol Phosphate 100 mmol, pH 7,0 Hydroxybenzoate 12 mmol Độ lặp lại (Intra-assay precision) $\leq 1,39\%$ Độ tái lặp (Inter-assay precision) C 1,92% Hộp ≥ 160 ml Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	3	Hộp
Tổng : 12 Loại				